NATURAL WONDERS OF VIET NAM

5

UNIT

**+\***

Pronunciation-Icon@4x

**PRONOUNCIATION**

|  |  |
| --- | --- |
| /t/ | /d/ |
| ten */ten/* | wonder */ /* |

**Task 1. Put the words into the correct columns.**

**but island hot best modern read**

**ticket eat address holiday pedestrian wet**

**ready boot buildings desert market boat**unnamed (1)unnamed (1)

/d/

**………………………………………………………………………………………**

**………………………………………………………………………………………**

**…………………………………………………**

**…………………………………………………**

**…………………………………………………**

**………………………………………………….**

/t/

**………………………………………………………………**

**………………………………………………………………**

**………………………………………………………………**

**…………………………………………………**

**…………………………………………………**

**………………………………………………….**

**Task 2. Circle the word that has the underlined part pronounced differently**

1. A.top B.stay C.ten D.tomato

2. A.tune B.stop C.stick D.sticker

3. A.pretty B.potato C.test D.steer

4. A.state B.tip C.statement D.station

5. A.lost B.tennis C.photo D.telephone

6. A.stand B.stamps C.steal D.tape

7. A.toy B.just C.tea D.tight

8. A.stole B.stolen C.stuff D.script

9. A.beast B.button C.time D.ticket

10. A.staff B.style C.total D.stone

**+\***

NATURAL WONDERS OF VIET NAM

5

UNIT



**VOCABULARY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **New words** | **Transcription** | **Meaning** |
| **activity** | /ækˈtɪvɪti/ | *hoạt động* |
| **Antarctica** | /ænˈtɑːktɪkə/ | *châu Nam cực* |
| **attraction** | /əˈtrækʃən/ | *sự hấp dẫn* |
| **backpack** | /ˈbækpæk/ | *ba lô đeo lưng* |
| **bay** | /beɪ/ | *vịnh* |
| **beach** | /biːtʃ/ | *bãi biển* |
| **cave** | /keɪ/ | *hang động* |
| **coast** | /kəʊst/ | *bờ biển* |
| **compass** | /ˈkʌmpəs/ | *la bàn* |
| **cuisine** | /kwɪˈziːn/ | *ẩm thực* |
| **dangerous** | /ˈdeɪndʒərəs/ | *nguy hiểm* |
| **desert** | /ˈdezət/ | *sa mạc* |
| **diverse** | /daɪˈvɜːs/ | *đa dạng* |
| **essential** | /ɪˈsenʃl/ | *thiết yếu, quan trọng* |
| **forest** | /ˈfɒrɪst/ | *khu rừng* |
| **freshwater** | /ˈfreʃwɔːtər/ | *nước ngọt* |
| **freshwater lake** | /ˈfreʃwɔːtə leɪk/ | *hồ nước ngọt* |
| **island** | /ˈaɪlənd/ | *hòn đảo* |
| **lake** | /leɪk/ | *hồ nước* |
| **map** | /mæp/ | *tấm bản đồ* |
| **mobile phone** | /məʊbaɪl fəʊn/ | *điện thoại di động* |
| **mountain** | /ˈmaʊntɪn/ | *ngọn núi* |
| **mountain range** | /ˈmaʊntən reɪndʒ/ | *dãy núi* |
| **natural wonder** | /ˈnætʃrəlwʌndə/ | *kì quan thiên nhiên* |
|  |  |  |
| **nature** | /nɔɪz pəˈluːʃən/ | *thiên nhiên* |
| **necessary** | /ˈnesəseri/ | *cần thiết* |
| **painkiller** | /ˈpeɪnkɪlər/ | *thuốc giảm đau* |
| **Perfume river** | /ˈpɜːfjuːm ˈrɪvər/ | *sông Hương* |
| **plaster** | /ˈplɑːstə(r)/ | *băng dán* |
| **rainforest** | /ˈreɪnfɒrɪst/ | *rừng nhiệt đới* |
| **river** | /rɪvər/ | *dòng sông* |
| **Rooster and Hen island** | /ˈruːstər ænd hen ˈaɪlənd/ | *hòn Trống Mái* |
| **scissors** | /ˈsɪzər/ | *cái kéo* |
| **seafood** | /ˈsiːfuːd/ | *hải sản* |
| **sleeping bag** | /ˈsliːpɪŋ bæɡ/ | *túi ngủ* |
| **snow** | /snəʊ/ | *tuyết* |
| **special** | /ˈspeʃl/ | *đặc biệt* |
| **sun cream** | /ˈsʌn kriːm/ | *kem chống nắng* |
| **sun hat** | /sʌn hæt/ | *mũ chống nắng* |
| **tent** | /tent/ | *cái lều* |
| **torch** | /ˈtɔːtʃ/ | *đèn pin* |
| **traditional** | /trəˈdɪʃənəl/ | *thuộc truyền thông* |
| **travel items** | /trævl ˈaɪtəm/ | *các đồ dùng cần khi đi du lịch* |
| **unforgettable** | /ʌnfəˈɡetəbl/ | *không thể quên được* |
| **valley** | /ˈvæli/ | *thung lũng* |
| **walking boot** | /ˈwɔːkɪŋ buːt/ | *giày đi bộ* |
| **waterfall** | /ˈwɔːtəfɔːl/ | *thác nước* |
| **waterproof coat** | /ˈwɔːtəfɔːl kəʊt/ | *áo mưa* |

**Task 1. Look at the pictures and complete the blanks with the words given.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ha Long Bay** | **water fall** | **lake** | **beach** |
| **cave** | **desert** | **mountain** | **island** |

  **** 

2…………………

1………………

4…………………

3…………………

   

5…………………

8…………………

7…………………

6…………………

**Task 2. Write the names of natural wonders.**

Water fall lake forest cave desert island valley river

1. A large area of land where there is almost no water, rains, trees, or plants

2. A large area of water that flows towards the sea

3. A large area of water that is surrounded by land

4. A piece of land that is completely surrounded by water

5. A place where a stream or river falls down from a high place

6. A large area of land that is covered with a lot of trees

7. A low area of land between mountains or hills

8. A large hole in the side of a hill or under the ground

**Task 3. Read the definitions and complete the blanks with given words.**

sun cream lake tent painkiller waterfall

river sleeping bag mountain map beach

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **No.** | **Definitions** | **Word** |
| 1. | a very high hill, often with rocks near the top | ........................... |
| 2. | a natural flow of water that continues in a long line across land to the sea/ocean | ........................... |
| 3. | a place where a stream or river falls from a high place, for example over a cliff or rock | ........................... |
| 4. | a large area of water that is surrounded by land | ........................... |
| 5. | an area of sand or small stones, beside the sea or a lake | ........................... |
| 6. | a shelter made of a large sheet of canvas, nylon, etc. that is supported by poles and ropes fixed to the ground, and is used especially for camping | ........................... |
| 7. | a drug that reduces pain | ........................... |
| 8. | cream that you put on your skin to protect it from the harmful effects of the sun | ........................... |
| 9. | a thick warm bag that you use for sleeping in, for example when you are camping | ........................... |
| 10. | a drawing or plan of the earth’s surface or part of it, showing countries, towns, rivers, etc. | ........................... |

**Task 4. Complete the following phrases with the given words**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **river** | **sun cream** | **walking boots** | **painkiller** | **cave** | **scissors** |
| **mobile phone** | **sun hat** | **sleeping bag** | **mountain** | **seafood** | **tent** |

1. swim in the 7. climb up the

2. explore the 8. walk with

3. have a 9. wear a

4. sleep in a 10. eat

5. lather 11. cut with

6. set up a 12. call with a

NATURAL WONDERS OF VIET NAM

5

UNIT



**GRAMMAR**

1. **Modal verb Must( Động từ tình thái)**
2. Form:

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **(+)** | S + must + V( bare infinitive ) |
| **(-)** | S + must not + V( bare infinitive ) |

1. Usage :

**Must :** diễn tả sự cần thiết hoặc bắt buộc, hoặc bổn phận trách nhiệm phải làm ở hiện tại và tương lai.

**Eg:** I must finish my home work before going to bed.

*Tôi phải hoàn thành bài tập trước khi đi ngủ.* (Trách nhiệm)

You must slow down when the light yellow.

*Bạn phải giảm tốc độ khi đèn vàng.( Bắt buộc)*

**Must not ( Mustn’t):** không được phép

**Eg:** You mustn’t turn right.

*Bạn không được phép rẽ phải.* (Bắt buộc)

You mustn’t come late.

*Bạn không được đến muộn.*

**II. Countable and uncountable nouns**

**a. Countable nouns**

-Danh từ đếm được để chỉ những gì có thể đếm được: một, hai, ba, bốn,...

-Có thể dùng ***a/an*** và số đếm trước danh từ đếm được.

-Danh từ đếm được tồn tại ở hai dạng: số ít và số nhiều.

-Để chuyển danh từ từ dạng sổ ít sang dạng số nhiều, ta thêm s/ es vào sau danh từ ấy.

*Ví dụ:*

A book Two chairs

*Một cuốn sách Hai cái ghế*

Five people 10 women

*Năm người 10 người phụ nữ*

**b. Uncountable nouns**

Danh từ không đếm được chỉ những gì không thể đếm được, những cái mang tính trừu tượng

Không thể dùng ***a/ an*** và số đếm trước danh từ không đếm được.

Động từ chia sau danh từ không đếm được luôn luôn ở dạng số ít.

*Ví dụ:*

Bread Cream Nature Weather

*Bánh mì* *Kem Thiên nhiên Thời tiết*

**c. A/ an/ some/ any**

***a/an***(một), ***some/any***(một vài) được dùng để chỉ số lượng cho cả danh từ đếm được và không đếm được.

**COUNTABLE NOUNS**

**Singular Plural**

(+) There is a pen.There are some books.

(-)There isn’t an engineer.There aren’t any pictures.

(?) Is there an egg? Are there any pencils?

**UNCOUNTABLE NOUNS**

(+) There is some bread.

(-) There isn’t any milk.

(?) Is there any water?

**2. Question word: *How much* and *How many***

Ta sử dụng ***How much*** cho danh từ không đếm được và ***How many*** cho danh từ đếm được.

*Ví dụ:*

How many meals do you have every day?

How much water would you like to drink?

**Task 1: Complete the sentences with *must* or *mustn’t*.**

1. **Complete the sentences with *must* or*mustn’t*.**

|  |  |
| --- | --- |
| Káº¿t quáº£ hÃ¬nh áº£nh cho sick clipart  1. You \_\_\_\_\_\_\_\_\_ see a doctor. | Káº¿t quáº£ hÃ¬nh áº£nh  2. You \_\_\_\_\_\_\_\_\_ eat in class. |

|  |  |
| --- | --- |
| Káº¿t quáº£ hÃ¬nh áº£nh cho late for school clipart  3. You \_\_\_\_\_\_\_\_\_ be late for school. | Káº¿t quáº£ hÃ¬nh áº£nh  4.You \_\_\_\_\_\_\_\_\_ eat fruit and vegetables. |
| Káº¿t quáº£ hÃ¬nh áº£nh  5. You \_\_\_\_\_\_\_\_\_ eat fast food too often. | HÃ¬nh áº£nh cÃ³ liÃªn quan  6. You \_\_\_\_\_\_\_\_\_ do your homework. |
| Káº¿t quáº£ hÃ¬nh áº£nh  7. You \_\_\_\_\_\_\_\_\_ watch TV a lot. | Káº¿t quáº£ hÃ¬nh áº£nh cho boy put litter in the bin clipart  8. You \_\_\_\_\_\_\_\_\_ put litter in the bin. |
| HÃ¬nh áº£nh cÃ³ liÃªn quan  9. We \_\_\_\_\_\_\_\_\_ be polite to our teachers. | Káº¿t quáº£ hÃ¬nh áº£nh  10. We \_\_\_\_\_\_\_\_ talk loudly in the library. |

**II. Complete the sentences with *must* or *mustn’t*.**

1. She is ill, so she \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ see the doctor.

2. It is raining. You \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ take your umbrella.

3. You \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ throw litter on the stairs.

4. This is a secret. You \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ tell anybody.

5. You \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ make noise in the library.

6. We \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ hurry or we will miss the bus.

7. The baby is sleeping. You \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ shout.

8. You \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ be friendly to everybody.

9. They \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ walk on the grass.

10. You \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ light fires in the forest.

**III. Write sentences with *must* or*mustn’t*, using the words given in brackets.**

1. It is raining heavily. (you/ wear your raincoat) *You must wear your raincoat.*

2. Jane is not feeling well. (she/ go to the doctor)

3. The baby is sleeping. (you/ shout)

4. This is a secret. (you/ tell the others)

5. The sign says ‘NO PARKING’ (we/ park here)

6. This vase is very dirty. (I/ clean it soon)

7. This is a non-smoking area. (he/ smoke in this area)

8. There is a ‘STOP’ sign ahead. (we/ stop)

**Task 2. a/ an/ any/ some/ much/ many:**

1. **Fill in the blanks with *a, an, some* or *any*.**

1. Have you got \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ potatoes?

2. I’d like \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_bread, and \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_piece of cheese, please.

3. For breakfast, I have \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ham sandwich and \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_orange juice.

4. Here are \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ cereals, but there isn’t \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ milk.

5. Would you like \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ beer or would you prefer \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ bottle of Coke?

6. Is there \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ rice left? ~ I’m afraid there isn’t \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ rice left, but youcan have \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_noodles instead.

7. There aren’t \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ bananas, but there is \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ apple and \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ grapes.

8. I want \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ jam and \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ butter for my toast.

9. Can I have \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ sausages and\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_omelette with fries on the side, please?

10. My father always has \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_biscuit and \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_cup of tea at bedtime.

1. **Complete the sentences with *How much* or *How many***

1. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_grams of sugar per day should we consume?

2. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_bread do we need?

3. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_coffee do you drink in a day?

4. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_steaks do you want?

5. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_meat do we need for the barbecue tonight?

6. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_bottles of orange juice have you had today?

7. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_hamburgers did he eat?

8. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_cream would you like in your coffee?

9. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_potatoes are there in the basket?

10. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_rice can I put in the soup?

**Task 3. Give the correct form of the word given to complete the sentences.**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. A trip to Fan Si Pan is an \_\_\_\_\_\_\_\_experience. | (FORGET) |
| 2. You can watch (tradition) \_\_\_\_\_\_\_\_when you visit Sa Pa. | (TRADITION) |
| 3. Many visitors think that the greatest \_\_\_\_\_\_\_\_in Hue is temples. | (ATTRACT) |
| 4. You must take an umbrella because it's \_\_\_\_\_\_\_\_in Mui Ne at this time of year. | (RAIN) |
| 5. Hue is near Da Nang, but it's more \_\_\_\_\_\_\_\_than Da Nang. | (INTEREST) |
| 6. Children are allowed much more\_\_\_\_\_\_these days. | (FREE) |
| 7. He’s been \_\_\_\_\_\_for the past six months | (JOB) |
| 8. A group of \_\_\_\_\_\_\_people set up camp in the field. | (TRAVEL) |
| 9. The Great Wall of China is the world’s \_\_\_\_\_\_\_\_ structure. | (LONG) |
| 10. Is Quang Ninh a \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ province? | (MOUNTAIN) |

**Task 4: There is one mistake in each sentence. Underline and correct the mistake.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Sentences** | **Correction** |
| **1.** How many orange juice have you had today?  **2**. Are there some eggs in the fridge?  **3.** Would you like a cheese with your pasta?  **4.** Salt is one of important ingredient for almost dishes.  **5.** Can you buy some breads on your way home?  **6.** What do you usually have in breakfast?  **7**. Vietnamese eat more instant noodles to Japanese.  **8**. How many glass of water should you drink per day?  **9**. The song isn't as boring so she thought, and she really likes it.  **10**. He wasn't at home yesterday morning because he saw in the park yesterday. | \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |

**+\***

NATURAL WONDERS OF VIET NAM

5

UNIT



**SPEAKING**

**Task 1. Match the questions and answer. Then practice.**

1. Where do you want to go a.It is about 500km. on your next holiday?

2. Really? Where is it? b .I can get there by car.

3. What is it like? c. I can spend my time enjoying cool weather with the magnificent stalactites.

4. What is special about it? d. I want to go to Thien Duong Cave.

5. How far is it from Hanoi? e. Stalactites in Paradise cave are in many multi-shapes.

6. How can you get there? f.It is the most beautiful cave in PhongNhaKe Bang area.

7. What can you do there? g. It’s in Quang Binh Province

**Task 2. Write the questions for the underlined words.**

1. ?

Mount Everest is the highest mountain in the world.

2. ?

The Grand Canyon is in Arizona, USA.

3. ?

The Atacama desert receives 1 mm of rain per year. ?

4. ?

The Nile River is 6,650 kilometers long.

5. ?

Mt. Everest is over 60 million years old.

6. ?

Victoria Falls. Victoria Falls are twice as tall as Niagara Falls.

7. ?

Thien Duong Cave was discovered in 2005.

8 ?

Visitors can visit to Huong Pagoda by boat.

**+\***

NATURAL WONDERS OF VIET NAM

5

UNIT



**LISTENING**

**Task 1. Look at the pictures below and match them with the phrases given in the box**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1.Mount Fansipan** | **3.Phu Quoc Island** | **5.Co To Island** |
| **2.Tam Dao Nation Park** | **4.Cuc Phuong National Park** | **6.Son Doong Cave** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Related image | Related image | Related image |
| A\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | B\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | C\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |
| Image result for cuc phuong national park | Related image | Image result for mount fansipan |
| D\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | E\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | F\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |

**Task 2. Now listen and decide if the following statements are true (T) or false (F).**

1. It is 85km from Tam Dao to Hanoi center.

2. You can go to Tam Dao by airplane.

3. There is no church in Tam Dao.

4. Hill chicken is a special dish of Tam Dao.

5. The trip to Tam Dao is cheap.

**Task 3. Listen again and fill the blank with a missing word.**

Tam Dao is 85km far from Hanoi center. It takes (1) ……………… hours to get there. You can go by motorbikes, cars, (2) ……………… or taxies. Getting there, you can visit Tam Dao National Park, ancient church, Van (3) ……………, Silver Waterfall, SkyGate.

**+\***

NATURAL WONDERS OF VIET NAM

5

UNIT



**READING**

**Task 1: Read and answer the questions.**

|  |  |
| --- | --- |
| Da Nang, Vietnam: the 'decadent refuge' expected to host Trump-Kim ... | Da Nang has a population of nearly 800,000 people. The Han River flows through the city. The city part on the east bank is the newest and more spacious. The city part on the west bank is more crowded. There are five bridges across the river. The Han River Bridge is the newest one now. The cost of living in Da Nang is the lowest in Central Viet Nam. Da Nang has many beaches. Among them, NonNuoc Beach is one of the beautiful beaches in the world. But walking in the street on a summer afternoon is not a good idea in Da Nang. There are not many trees so there are not many shadows. It is often very hot at noon. |

1. What is the population of Da Nang?

2. Which part of the city is more spacious?

3. Which part of the city is more crowed?

4. Which bridge is the newest?

5. What is Non Nuoc Beach like?

**Task 2: Read the following text and use the words given in the box to fill in the blanks**

means limestone as width found largest much

Son Doong cave is world’s (1) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ cave, located in QuangBinh province,Vietnam. It was (2) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ by a local man named Ho Khanh in 1991 and wasrecently discovered in 2009 by British cavers, led by Howard Limbert. The name “SonDoong" cave (3) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ “mountain river cave”. The cave was created 2-5 millionyears ago by river water eroding away the (4) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ underneath the mountain.

At about 9 kilometers in length, 200 meters in (5) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ and 150 meters inheight, Son Doong Cave is (6) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ larger than Deer Cave in Malaysia and hasreplaced Deer Cave to take pole position (7) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ the world’s largest cave.

**Task 3: Read the following text and decide which answer best fits each numbered blank.**

The Ha Long Bay is (1) \_\_\_\_\_\_\_\_ in QuangNinh Province in Vietnam. The name ofthe bay is roughly translated to descending dragon in Vietnamese. The bay is a UNESCO World Heritage (2) \_\_\_\_\_\_\_\_ and is lined by over a 1600 limestone islands and islets.

Legend has it that, when the Vietnamese were protecting their territory (3) \_\_\_\_\_\_\_\_ invaders, they offered prayers to their gods who then sent dragons as the protectors ofthe place. (4) \_\_\_\_\_\_\_\_ the invaders were approaching via sea, the dragons spat out Jewelscreating islands that lined the bay and obstructed the ships and boats of the invaders.

Ha Long Bay is one of the (5) \_\_\_\_\_\_\_\_ popular tourist destinations and is visited byhundreds of thousands of tourists each year. You can opt for a (6) \_\_\_\_\_\_\_\_ cruise, that willtake you as close to a lot of these islets.

1. a. visited b. located c. followed d. discovered

2. a. Nature b. Sight c. Wonder d. Site

3. a. from b. with c. to d. by

4. a. What b. Where c. When d. Which

5. a. much b. many c. more d. most

6. a. train b. boat c. plane d. bus

**+\***

NATURAL WONDERS OF VIET NAM

5

UNIT



**WRITING**

**Task 1. Reorder the words to make the correct sentences**

1. Quang Tri provice is hotter than any other areas in VietNam

Quang Tri provice is

2. Ban Gioc Water Fall is the nicest water fal river in Viet Nam.

No other water fall in VietNam is

3. I’ve never seen such a wonderful waterfall before.

This is the

4. How high is Mount Everest?

What is

5. Shall we go to Ha Long Bay this weekend?

How about

**Task 2. Write 6 sentences about the picture.**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………



**ĐÁP ÁN CHI TIẾT**

**+\***

NATURAL WONDERS OF VIET NAM

5

UNIT

Pronunciation-Icon@4x

**PRONOUNCIATION**

|  |  |
| --- | --- |
| /t/ | /d/ |
| ten */ten/* | wonder */ /* |

**Task 1. Put the words into the correct columns.**

**Task 1. Put the words into the correct columns.**

**but island hot best modern read**

**ticket eat address holiday pedestrian wet**

**ready boot buildings desert market boat**unnamed (1)unnamed (1)

/d/

**… island … ready …… address ……… buildings ……… desert ……… modern … pedestrian ………… read ………………………………………**

**………………………………………………………………………………………**

**…………………………………………………**

**…………………………………………………**

**…………………………………………………**

**………………………………………………….**

/t/

**…… but ticket …………… eat …… market ……boot…………………… hot ……… wet**

**……**

**…… boat ………best …………………………………………………**

**………………………………………………………………**

**…………………………………………………**

**…………………………………………………**

**………………………………………………….**

**Task 2. Circle the word that has the underlined part pronounced differently**

1. A. top B. stay C. ten D. tomato

2. A. tune B. stop C. stick D. sticker

3. A. pretty B. potato C. test D. steer

4. A. state B. tip C. statement D. station

5. A. lost B. tennis C. photo D. telephone

6. A. stand B. stamps C. steal D. tape

7. A. toy B. just C tea D. tight

8. A. stole B. stolen C. stuff D. script

9. A beast B. button C. time D. ticket

10. A. staff B. style C. total D. stone

**+\***

NATURAL WONDERS OF VIET NAM

5

UNIT



**VOCABULARY**

**Task 1. Look at the pictures and complete the blanks with the words given.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **1.Ha Long Bay** | **2.water fall** | **6.lake** | **8.beach** |
| **7.cave** | **3.desert** | **4.mountain** | **5.island** |

  **** 

2…………………

1………………

4…………………

3…………………

   

5…………………

8…………………

7…………………

6…………………

**Task 2. Write the names of natural wonders.**

1. desert 2. river 3. lake 4. island

5. waterfall 6. forest 7. valley 8. cave

**Task 3. Read the definitions and complete the blanks with given words**

1. mountain 2. river 3. waterfall 4. lake 5. beach

6. tent 7. painkiller 8. sun cream 9. sleeping bag 10. map

**Task 4. Complete the following phrases with the given words**

**.**

1. river 2. cave 3. painkiller 4. sleeping bag

5. sun cream 6. tent 7. mountain 8. walking boots

9. sun hat 10. seafood 11. scissors 12. mobile phone

NATURAL WONDERS OF VIET NAM

5

UNIT



**GRAMMAR**

**Task 1: Complete the sentences with *must* or *mustn’t*.**

I. 1. must 2. mustn’t 3. mustn’t 4. must

5. mustn’t 6. must 7. mustn’t 8. must

9. must 10. mustn’t

II. 1. must 2. mustn’t 3. mustn’t 4. must

5. mustn’t 6. must 7. mustn’t 8. must

9. must 10. mustn’t

III.

2. She must go to the doctor. 3. You mustn’t shout.

4. You mustn’t tell the others. 5. We mustn’t park here.

6. I must clean it soon. 7. He mustn’t smoke in this area.

8. We must stop.

**Task 2. Task 2. a/ an/ any/ some/ much/ many:**

1. **Fill in the blanks with *a, an, some* or *any*.**

1. any 2. some - a 3. a - some 4. some - any

5. some - a 6. any - any - some 7. any - an - some 8. some - some

9. some - an 10. a - a

1. **Complete the sentences with *How much* or *How many***

1. How many 2. How much 3. How much 4. How many

5. How much 6. How many 7. How many 8. How much

9. How many 10. How much

**Task 3. Give the correct form of the word given to complete the sentences.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. unforgetable | 3. attraction | 5. interesting | 7. jobless | 9. longest |
| 2. traditionalism | 4. rainy | 6. Freedom | 8. Travelling | 10. mountainous |

**Task 6. Choose the underlined word or phrase (marked A, B, C or D) in each sentence that needs correcting.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. D | 2. C | 3. B | 4. B | 5. A |
| 6. B | 7. A | 8. D | 9. C | 10. A |

**Task 4. Find the mistake in the four underlined parts of each sentence and correct it.**

**+\***

NATURAL WONDERS OF VIET NAM

5

UNIT



**SPEAKING**

**Task 1. Match the questions and answer. Then practice.**

1. d 2. g 3. f 4. e 5. a 6.b 7.c

**Task 2. Write the questions for the underlined words.**

1. What is the highest mountain in the world?

2. Where is the Grand Canyon?

3.How much rain does the Atacama desert receive per year?

4. How long is the Nile River?

5. How old is Mt. Everest?

6. Which is taller, Victoria Falls or Niagara Falls?

7. When was Thien Duong Cave discovered?

8.How can visitors visit to Huong Pagoda?

**+\***

NATURAL WONDERS OF VIET NAM

5

UNIT



**LISTENING**

**Task 1. Look at the pictures below and match them with the phrases given in the box**

1. F 3. C 3. B

4. D 5. A 6. E

**Task 2. Now listen and decide if the following statements are true (T) or false (F).**

1. T 2. F 3. F 4. T 5. T

**Task 3. Listen again and fill the blank with a missing word.**

1. two/2 2. buses 3. pagoda

**Listening transcript:**

Tam Dao is 85km far from Hanoi center. It takes 2 hours to get there. You can go by motorbikes, cars, buses or taxies. Getting there, you can visit Tam Dao National Park, ancient church, Van Pagoda, Silver Waterfall and Sky Gate. You can also enjoy some special dishes like Su Su. This vegetable is planted everywhere here. Hill chicken is another good dish. The trip is great, but not expensive at all

**+\***

NATURAL WONDERS OF VIET NAM

5

UNIT



**READING**

**Task 1. Read and answer the questions.**

1. Da Nang has a population of nearly 800,000 people

2. The city part on the east bank is the newest and more spacious

3. The city part on the west bank is more crowded.

4. The Han River Bridge is the newest

5. NonNuoc Beach is one of the beautiful beaches in the world

**Task 2: Read the following text and use the words given in the box to fill in the blanks**

1. largest 2. found 3. means 4. limestone

5.width 6. much 7. as

**Task 3: Read the following text and decide which answer best fits each numbered blank.**

1.b 2. d 3. a 4. c 5. d 6. b

**+\***

NATURAL WONDERS OF VIET NAM

5

UNIT



**WRITING**

**Task 1. Reorder the words to make the correct sentences**

1.Quang Tri provice is the hottest are in Viet Nam

2. No other water fall in VietNam is nicer than Ban Gioc Water fall

3. This is the the most wonderful waterfall I have ever seen

4. What is the height of Mount Everest

5. How about going to Ha Long Bay this week?

**Task 2. Write 6 sentences about the picture.**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

